

TỔ CHỨC KẾ TOÁN CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ TẠI TỈNH NGHỆ AN: THỰC TRẠNG, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

Trần Thị Thương*, Nguyễn Thị Thủy, Hoàng Thị Mai Anh, Lê Thị Minh Châu

Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: tranthithuong@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 07.06.2021

Ngày chấp nhận đăng: 29.10.2021

TÓM TẮT

Bài viết tập trung phân tích thực trạng tổ chức kế toán của các hợp tác xã tại tỉnh Nghệ An, nhận diện những điểm còn hạn chế trong quá trình tổ chức kế toán, từ đó đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán của các hợp tác xã trong thời gian tới. Để thực hiện mục tiêu trên, bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu: Kiểm định Shapiro-Wilk normality test và T-test, phương pháp thống kê mô tả, phương pháp phân tích so sánh và thang đo Likert. Kết quả nghiên cứu cho thấy: (i) số lượng kế toán cơ hữu trong các hợp tác xã còn hạn chế, trình độ chuyên môn chưa cao, (ii) tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ kế toán chưa tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành, (iii) tổ chức lập báo cáo và cung cấp thông tin còn mang tính hình thức, thông tin kế toán chưa đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời, (iv) tính hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ về kế toán còn hạn chế. Do đó, để hoàn thiện tổ chức kế toán của các hợp tác xã bài viết đã đưa ra một số giải pháp: Nâng cao năng lực và tạo nguồn nhân lực kế toán cho hợp tác xã; Bổ sung mở một số sổ kế toán chi tiết và báo cáo kế toán quản trị phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin phục vụ quản lý nội bộ của hợp tác xã và Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện quy định kiểm tra, kiểm soát về kế toán trong hợp tác xã.

Từ khóa: Hợp tác xã, kế toán, Nghệ An.

Accounting Performance in Cooperatives in Nghe An Province: Situation, Solutions and Policy Implications

ABSTRACT

This article analyzed the current situation of accounting performance in the cooperatives in Nghe An province, indicated shortcomings in the accounting performance, and suggested some implications to improve the accounting performance of these cooperatives in the future. To achieve these objectives, this article used some research methods such as: Shapiro-Wilk normality test and T-test, descriptive statistics method, comparative analysis method, and Likert scale. The research results showed that (i) The number of permanent accountants in cooperatives was limited and the educational level of accounts was not high; (ii) applying the system of accounting vouchers, accounts, and ledger accounts were not complying with the guidelines of the accounting regime; (iii) reporting and providing the accounting information were still formal and accounting information was inaccurate, incomplete and untimely; (iv) the effectiveness of the internal control system in accounting was also limited. Therefore, this article suggested some implications to improve the accounting performance of these cooperatives: Improving capacity and creating accounting human resources for cooperatives; Applying some additional detailed accounting ledgers and management accounting reports to provide accounting information to the internal management of cooperatives; regulations on inspection and control on accounting.

Keywords: Cooperative, accounting, Nghe An.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại tỉnh Nghệ An, năng lực của các hợp tác xã (HTX) ngày càng được nâng cao; tổ chức, quản lý và hoạt động của HTX cơ bản đúng quy

định của Luật HTX năm 2012. Cuối 2020, tỉnh Nghệ An có 794 HTX, trong đó có 419 HTX hoạt động hiệu quả (chiếm 53%), 345 HTX hoạt động trung bình (chiếm 43,4%); 30 HTX hoạt động kém hiệu quả (chiếm 4%). Mặc dù, tốc độ tăng

trường hàng năm của khu vực HTX trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 10-15% (Xuân Hoàng, 2021) nhưng theo khảo sát thực tiễn tại địa phương, tổ chức kế toán ở các HTX tại tỉnh Nghệ An còn nhiều hạn chế về chất lượng nguồn nhân lực kế toán, tổ chức lập luận chuyển chứng từ kế toán... Theo Lê Thị Minh Châu (2020) hạn chế trong tổ chức kế toán tại HTX sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo kế toán (BCKT) của HTX và làm giảm khả năng tiếp cận vốn tín dụng của các ngân hàng thương mại. Do vậy, nghiên cứu về tổ chức kế toán trong các HTX tại tỉnh Nghệ An là điều rất cần thiết. Bài báo tập trung phân tích thực trạng tổ chức kế toán của các HTX tại tỉnh Nghệ An theo cách tiếp cận nghiên cứu của tác giả Lưu Đức Tuyên & Ngô Thị Thu Hồng (2014), Nguyễn Thị Thanh Loan (2016) gồm 5 nội dung: (1) Tổ chức bộ máy kế toán, (2) Tổ chức thu thập thông tin qua hệ thống chứng từ, (3) Tổ chức hệ thống tài khoản (TK) kế toán và ghi sổ kế toán, (4) Tổ chức lập BCKT và cung cấp thông tin kế toán, (5) Kiểm soát nội bộ về kế toán; từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán của HTX tại địa phương này.

Như vậy, mục tiêu nghiên cứu của bài viết này là phân tích thực trạng tổ chức kế toán của các HTX tại tỉnh Nghệ An theo 5 nội dung đề cập phía trên, nhận diện những điểm còn hạn chế trong quá trình tổ chức kế toán tại các đơn vị này, từ đó đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán của các hợp tác xã trong thời gian tới ...

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập dữ liệu

Thông tin thứ cấp: Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ báo cáo của Sở NN&PTNT và Liên minh HTX của tỉnh Nghệ An..., Luật Kế toán năm 2015, Luật HTX năm 2012, Thông tư số 133/2016/TT-BTC, Thông tư 24/2017/TT-BTC và các văn bản pháp quy khác có liên quan đến chế độ kế toán HTX.

Dữ liệu sơ cấp: Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn giám đốc hoặc kế toán của 156 HTX thuộc huyện Nghĩa Đàn, huyện Diễn Châu, huyện Yên Thành và huyện Quỳnh Châu,

tỉnh Nghệ An trong thời gian tháng 11 năm 2020 và tháng 4 năm 2021 bằng bộ câu hỏi được thiết kế sẵn.

2.2. Phân tích dữ liệu

Kiểm định Shapiro-Wilk normality test và T-test: Số liệu thu thập sẽ được kiểm tra về độ tin cậy và ý nghĩa thống kê (bằng Shapiro-Wilk normality test trên phần mềm STATA 15.1). Sau đó, kiểm định T-test (sig-2tails) với mức ý nghĩa 95% được thực hiện trên phần mềm STATA 15.1 để đo lường về sự khác biệt giữa giá trị trung bình của hai nhóm HTX.

Phương pháp thống kê mô tả: Phương pháp này sử dụng để mô tả những đặc tính cơ bản của dữ liệu thu thập thông qua biểu diễn dưới dạng đồ thị, bảng số liệu.

Phương pháp phân tích so sánh: Phương pháp này sử dụng để phân tích chỉ tiêu về thực trạng tổ chức kế toán theo 5 nội dung ở trên giữa hai nhóm HTX.

Thang đo Likert: Bài báo sử dụng thang đo Likert 3 mức độ (1 - Hoàn toàn không tuân thủ, 2 - Tuân thủ mức độ trung bình, 3 - Tuân thủ hoàn toàn) để đo lường mức độ tuân thủ chế độ kế toán về vận dụng chứng từ, hệ thống TK, ghi sổ kế toán, lập BCKT và cung cấp thông tin kế toán tại các HTX được điều tra.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm của mẫu khảo sát

Cuối năm 2020, tỉnh Nghệ An có 794 HTX đang hoạt động, trong đó, bài viết lựa chọn điều tra 156 HTX thuộc huyện Nghĩa Đàn, Diễn Châu, Yên Thành và Quỳnh Châu (chiếm 19,7% HTX của tỉnh Nghệ An). Căn cứ theo điều 6 của Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT về phân loại HTX theo ngành nghề kinh doanh, 156 HTX này được chia thành 2 nhóm: Nhóm 1 có 73 HTX nông nghiệp (NN) và nhóm 2 có 83 HTX khác (gồm 63 HTX dịch vụ NN, 14 HTX thủ công nghiệp và 6 HTX diêm nghiệp). Các HTX NN tập trung sản xuất tiêu thụ nông sản tươi, trong khi đó HTX khác có hoạt động tiêu thụ nông sản thông thường, hoạt động kinh doanh dịch vụ NN (cung ứng giống, phân bón, thủy

nông, bảo vệ đồng ruộng, bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi...) và phi NN (cấp nước sạch, quản lý chợ, vệ sinh môi trường, điện năng, tín dụng nội bộ...). Mục đích của phân nhóm là so sánh sự khác biệt trong tổ chức kế toán của hai nhóm HTX. Theo kết quả kiểm định, phần lớn các chỉ tiêu định lượng đều có ý nghĩa thống kê cao với giá trị kiểm định đạt mức p-value nhỏ hơn rất nhiều so với mức ý nghĩa 0,05. Bên cạnh đó, hầu hết sự khác biệt giữa giá trị trung bình của hai nhóm HTX cũng được kiểm định với p-value nhỏ hơn mức ý nghĩa 0,05, điều này cho thấy sự phân chia các HTX trong mẫu khảo sát thành hai nhóm để nghiên cứu là phù hợp.

3.2. Tổ chức nhân sự kế toán tại các hợp tác xã

Theo kết quả điều tra, 17,8% HTX NN và 30,1% HTX khác có nhân viên kế toán cơ hữu, tuổi bình quân của kế toán từ 35-43 tuổi, một kế toán thường thực hiện tất cả các khâu công việc gồm ghi chép, kiểm tra, đối chiếu chứng từ

sổ sách. Trên thực tế, tại các đơn vị kinh tế tình trạng kiêm nhiệm (kế toán kiêm thủ quỹ hoặc thủ kho...) xảy ra khá phổ biến. Thực trạng này cũng xảy ra tại các HTX điều tra. Điều này vi phạm quy định tài chính, làm hạn chế tính kiểm soát, giảm khả năng phát hiện sai sót trong quá trình thực hiện công tác kế toán và vi phạm nguyên tắc bất kiêm nhiệm.

Các HTX sử dụng dịch vụ kế toán làm việc một số ngày trong năm với công việc chủ yếu là ghi chép sổ sách, lập BCKT để nộp cho Phòng NN huyện và cơ quan thuế địa phương. Theo kết quả phỏng vấn chuyên sâu, sự gắn bó của các nhân viên kế toán cơ hữu là do công việc ở gần nhà, thu nhập ổn định. Các HTX không có kế toán cơ hữu là do HTX hoạt động chưa thực sự hiệu quả, số lượng công việc kế toán ít so với chi phí tiền lương phải trả hàng tháng nếu có kế toán cơ hữu. Trong tổng mẫu điều tra có 12,8% HTX có kế toán cơ hữu xảy ra tình trạng vi phạm chế độ kế toán, trong khi đó 58,3% là xảy ra tại HTX sử dụng dịch vụ kế toán.

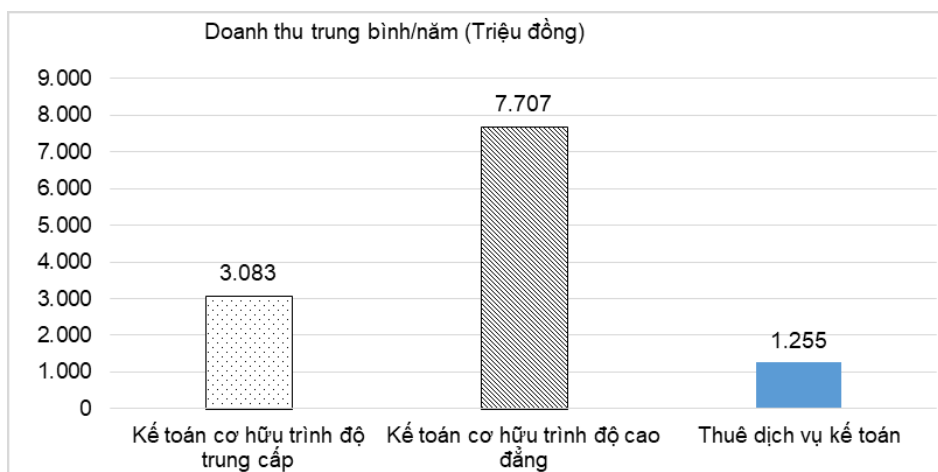
Bảng 1. Đặc điểm của các hợp tác xã (2020-2021)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trung bình mẫu điều tra (n = 156)	Shapiro-Wilk normality test (P-value) ^a	Giá trị trung bình		Kiểm định sự khác biệt (P-value) ^b
				Hợp tác xã nông nghiệp (n = 73)	HTX khác (n = 83)	
Số năm thành lập	Năm	6,2	P <0,001	7,4	5,0	0,0000
Số lượng thành viên hợp tác xã	Người	407	P <0,001	289	503	0,0294
Tuổi của Giám đốc hợp tác xã	Năm	42,9	0,00305	45,5	40,6	0,0001
Số năm đi học của giám đốc	Năm	10,2	P <0,001	9,6	10,7	0,0002
Vốn điều lệ của hợp tác xã	Trđ	925,5	P <0,001	1.090,8	790,0	0,3177
Doanh thu của hợp tác xã /năm	Trđ	2.113,1	P <0,001	1.588,9	2.542,5	0,1534
Lợi nhuận gộp của hợp tác xã/năm	Trđ	238,1	P <0,001	153,1	307,8	0,0164

Chú thích: a, b: Giá trị p-value của Shapiro-Wilk normality test và Kiểm định T-test (sig-2tails) với mức ý nghĩa 95%.

Bảng 2. Tình hình nhân sự kế toán tại các hợp tác xã (2020-2021)

Chỉ tiêu	Tổng mẫu điều tra (n = 156)		Hợp tác xã nông nghiệp (n = 73)		Hợp tác xã khác (n = 83)	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Hợp tác xã có nhân viên kế toán cơ hữu	38	24,4	13	17,8	25	30,1
Trình độ nhân viên kế toán cơ hữu						
Trung cấp	17	44,7	8	61,5	9	36,0
Cao đẳng	21	55,3	5	38,5	16	64,0
Hợp tác xã sử dụng dịch vụ kế toán	118	75,6	60	82,2	58	69,9
Tuổi của nhân viên kế toán (năm)	37,5		42,4		34,9	



Hình 1. Mối quan hệ giữa doanh thu trung bình của hợp tác xã và có kế toán cơ hữu tại hợp tác xã

Hình 1 phân tích mối quan hệ giữa doanh thu trung bình năm của HTX với việc HTX có kế toán cơ hữu hay thuê dịch vụ kế toán. Theo kết quả điều tra, nhóm HTX có kế toán viên cơ hữu có doanh thu trung bình hàng năm cao hơn so với nhóm HTX còn lại. Như vậy, cung cấp thông tin kế toán kịp thời và chính xác phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh của HTX đóng vai trò rất quan trọng. Đồng thời, trình độ chuyên môn của kế toán viên là nhân tố ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng thông tin kế toán và kết quả kinh doanh của HTX.

3.3. Tổ chức áp dụng chế độ kế toán trong hợp tác xã

Theo điều 2 của Thông tư 24/2017/TT-BTC ngày 28/3/2017 quy định HTX có thể áp dụng Chế độ kế toán HTX và liên hiệp HTX theo Thông tư 24/2017/TT-BTC; tuy nhiên nếu HTX có quy mô lớn, có nhiều giao dịch mà Thông tư 24 không hướng dẫn thì được lựa chọn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC. Những người được phỏng vấn cho rằng nội dung của chế độ kế toán trong hai thông tư trên là phù hợp với tình hình kinh doanh của HTX.

3.4. Tổ chức thu thập thông tin kế toán thông qua hệ thống chứng từ kế toán

Theo kết quả điều tra, hai nhóm HTX đều không thiết kế thêm các chứng từ phục vụ cho

nội bộ HTX và không áp dụng mẫu chứng từ theo quy định của Bộ tài chính. Tuy nhiên, có sự khác biệt trong vận dụng chứng từ kế toán giữa hai nhóm HTX:

Nhóm HTX NN: (i) Các HTX này tiêu thụ nông sản tươi như lúa, rau, quả... không sử dụng phiếu nhập kho và phiếu xuất kho; Chứng từ sử dụng chủ yếu là phiếu thu, phiếu chi. (ii) Thu thập thông tin kế toán qua chứng từ: Đa số các HTX NN sử dụng dịch vụ kế toán, vì vậy khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế thì chứng từ không được lập hay xử lý ngay. 61,6% giám đốc các HTX NN cho biết họ không nắm được đủ thông tin tài chính cần thiết trước khi đưa ra các quyết định kinh doanh nên kết quả chưa đạt như dự kiến.

Nhóm HTX khác: (i) Các HTX này có hoạt động tiêu thụ nông sản, cung cấp dịch vụ NN và phi NN, nên số lượng các chứng từ được sử dụng nhiều hơn. (ii) Thu thập thông tin kế toán qua chứng từ: Việc lập, tiếp nhận, xử lý chứng từ xảy ra thường xuyên hơn so với các HTX NN.

Tại HTX thuê dịch vụ kế toán, việc ghi chép chưa đáp ứng được yêu cầu về tính kịp thời của thông tin kế toán do các kế toán thường nhận toàn bộ chứng từ vào cuối tháng hoặc quý để tổng hợp. Theo kết quả điều tra 38,3% các HTX NN đã từng nộp muộ n các BCTC đến cơ quan quản lý như Phòng NN huyện, trong khi đó chỉ có 27,7% HTX khác đã nộp muộ n BCTC.

Bảng 3. Chế độ kế toán và phần mềm kế toán áp dụng tại các hợp tác xã (2020-2021)

Tiêu chí	Tổng mẫu điều tra (n = 156)		Hợp tác xã nông nghiệp (n = 73)		Hợp tác xã khác (n = 83)	
	Hợp tác xã sử dụng	Tỷ lệ (%)	Hợp tác xã sử dụng	Tỷ lệ (%)	Hợp tác xã sử dụng	Tỷ lệ (%)
Chế độ kế toán vận dụng						
Thông tư 133/2016/TT-BTC	86	55,13	49	67,12	37	44,58
Thông tư 24/2017/TT-BTC	70	44,87	24	32,88	46	55,42
Ứng dụng phần mềm kế toán	42	26,92	14	19,18	28	33,73
Ứng dụng Excel	114	73,08	59	80,82	55	66,27

Bảng 4. Tình hình lập và sử dụng chứng từ tại các hợp tác xã (2020-2021)

Tên chứng từ	Tổng mẫu điều tra (n = 156)		Hợp tác xã nông nghiệp (n = 73)		Hợp tác xã khác (n = 83)	
	Hợp tác xã sử dụng	Tỷ lệ (%)	Hợp tác xã sử dụng	Tỷ lệ (%)	Hợp tác xã sử dụng	Tỷ lệ (%)
Lao động tiền lương						
Bảng tính tiền lương, bảo hiểm xã hội	16	10,26	0	0	16	19,27
Hàng tồn kho						
Phiếu nhập, phiếu xuất	50	32,05	0	0	50	60,24
Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	46	29,49	0	0	46	55,42
Bảng kê mua hàng	16	10,26	0	0	16	19,27
Bán hàng						
Hóa đơn bán hàng thông thường	73	46,79	23	31,5	50	60,24
Hóa đơn Giá trị gia tăng (GTGT)	33	21,15	0	0	33	39,76
Hợp đồng bán hàng hoá, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ	33	21,15	0	0	33	39,76
Tiền tệ						
Phiếu thu, phiếu chi, bảng kiểm kê quỹ	156	100,0	73	100,0	83	100,0
Giấy đề nghị tạm ứng, thanh toán tiền tạm ứng	29	18,59	0	0	29	34,94
Bảng kê chi tiền	29	18,59	0	0	29	34,94
Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình						
Biên bản giao nhận TSCĐ	26	16,67	10	13,7	16	19,27
Biên bản kiểm kê TSCĐ	16	10,26	0	0	16	19,27
Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ	26	16,67	10	13,7	16	19,27

Để nắm rõ hơn mức độ tuân thủ chế độ kế toán trong quá trình lập và luân chuyển chứng từ kế toán tại HTX, bài viết sử dụng thang đo Likert 3 mức độ. Kết quả cho thấy, nhóm HTX khác có mức độ tuân thủ về lập và luân chuyển chứng từ kế toán (chứng từ đảm bảo đầy đủ các thông tin bắt buộc theo quy định, chứng từ được lập ngay khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hủy chứng từ và lập lại

chứng từ mới khi xảy ra sai sót đúng theo quy định...) cao hơn nhóm HTX NN. Có 71,2% HTX trong mẫu điều tra đã xảy ra sai sót trong quá trình vận dụng chứng từ như: (1) chứng từ không lập kịp thời; (2) chứng từ không có đầy đủ chữ kí; (3) kế toán sửa trực tiếp trên chứng từ khi có sai sót. Tuy nhiên, tần suất xảy ra sai sót của nhóm HTX NN phổ biến hơn so với nhóm HTX khác.

3.5. Tổ chức hệ thống tài khoản và ghi sổ kế toán

3.5.1. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

Kết quả điều tra cho thấy việc vận dụng hệ thống tài khoản (TK) tại các HTX phù hợp với nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các TK kế toán cấp 1 được sử dụng phổ biến tại 2 nhóm HTX gồm vốn bằng tiền, phải thu khách hàng, phải trả cho người bán, thuế và các khoản phải nộp nhà nước, vốn đầu tư của chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

Nhóm HTX khác sử dụng thêm một số TK do đặc thù hoạt động kinh doanh như phải thu của hoạt động tín dụng nội bộ, thuế GTGT được khấu trừ, vật liệu dụng cụ thành phẩm hàng hóa, quỹ dự phòng rủi ro tín dụng, chi phí hoạt động tín dụng nội bộ...

Bên cạnh đó, có một số TK kế toán chưa được các HTX vận dụng như đầu tư tài chính (chưa phù hợp với năng lực của HTX), dự phòng tổn thất tài sản (HTX chưa hiểu tác dụng), khoản trợ cấp hỗ trợ của Nhà nước phải hoàn lại (HTX chưa nhận được hỗ trợ phải hoàn lại), nguồn vốn trợ cấp hỗ trợ không hoàn lại của Nhà nước (một số HTX nhận hỗ trợ bằng tiền để in tem nhãn sản phẩm nhưng không ghi chép), phải trả người lao động (có phát sinh nhưng kế toán không ghi chép), các khoản phải nộp theo

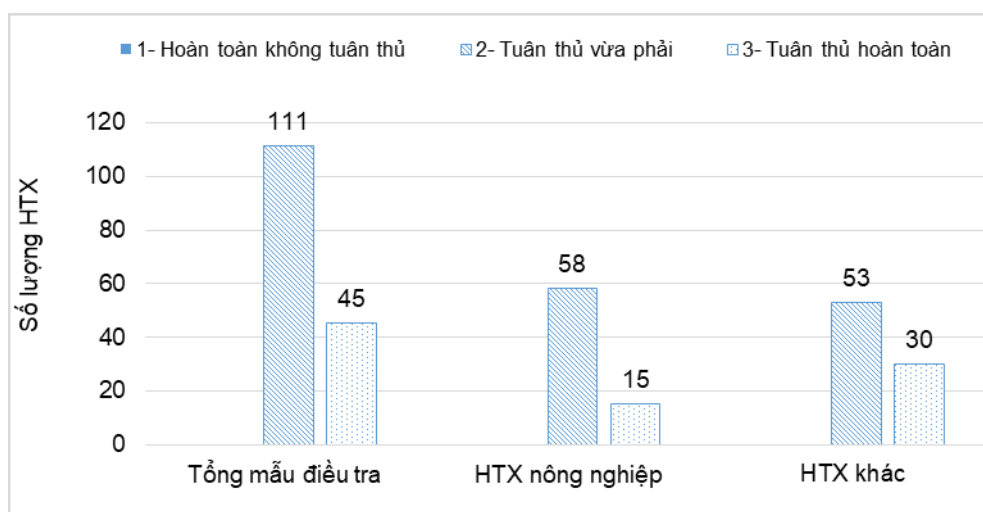
lượng (HTX chưa đóng đầy đủ các khoản này), các TK ngoài bảng (do không có phát sinh hoặc phát sinh ít)... Điều này dẫn đến số lượng sổ kế toán HTX sử dụng chưa phù hợp với hoạt động kinh doanh của HTX và bức tranh tài chính của HTX không được phản ánh chính xác.

Nhóm TK cấp 2 đã được một số HTX áp dụng, tuy nhiên vẫn còn chưa đầy đủ và chính xác. Như vậy, việc chưa sử dụng đầy đủ các TK cấp 1, cấp 2 khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh sẽ ảnh hưởng đến tính chính xác, chi tiết của thông tin tài chính được ghi chép trên sổ kế toán và báo cáo tài chính (BCTC).

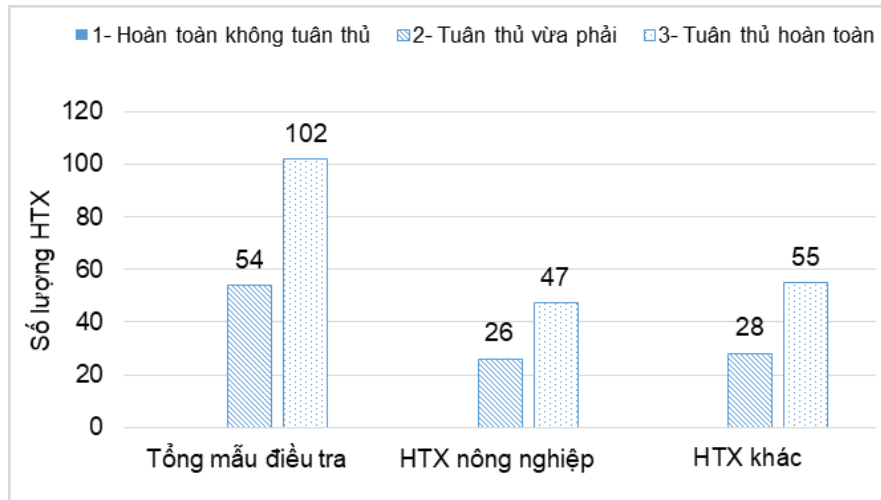
Kết quả điều tra mức độ tuân thủ chế độ kế toán trong quá trình vận dụng TK kế toán tại HTX cho thấy: Nhóm HTX khác có mức độ tuân thủ về vận dụng TK kế toán (số lượng TK đảm bảo đầy đủ nội dung, sử dụng TK cấp 2...) cao hơn nhóm HTX NN. Sai sót kế toán thường gặp trong quá trình vận dụng TK kế toán ở hai nhóm HTX là chưa có TK cấp 2 đối với một số TK hàng tồn kho, doanh thu hoạt động SXKD...

3.5.2. Tổ chức ghi sổ kế toán

Theo khảo sát, tỉ lệ HTX NN sử dụng hình thức ghi sổ Nhật ký - Sổ cái và Nhật ký chung lần lượt là 17,8% và 82,2%. Đối với HTX khác có 70% sử dụng hình thức Nhật ký chung và 30% sử dụng hình thức Chứng từ ghi sổ. Tỉ lệ HTX khác sử dụng sổ cái và sổ chi tiết cao hơn nhóm HTX NN do nhóm này có thêm hoạt động kinh doanh dịch vụ NN và phi NN.



Hình 2. Mức độ tuân thủ chế độ kế toán về vận dụng chứng từ kế toán tại HTX



Hình 3. Mức độ tuân thủ chế độ kế toán về vận dụng tài khoản kế toán

Bảng 5. Tình hình sử dụng sổ kế toán tại các hợp tác xã (2020-2021)

Sổ kế toán	Tổng mẫu điều tra (n = 156)		Hợp tác xã nông nghiệp (n = 73)		Hợp tác xã khác (n = 83)	
	Hợp tác xã sử dụng	Tỷ lệ (%)	Hợp tác xã sử dụng	Tỷ lệ (%)	Hợp tác xã sử dụng	Tỷ lệ (%)
Sổ cái						
Sổ vốn bằng tiền	156	100,0	73	100,0	83	100,0
Sổ kho (Thẻ kho)	83	53,211	0	0	83	100,0
Sổ TSCĐ	26	16,67	10	13,7	16	19,27
Sổ thuế GTGT	16	10,26	0	0	16	19,27
Sổ quỹ phát triển sản xuất	101	64,74	41	56,16	60	72,29
Sổ quỹ dự phòng rủi ro tín dụng	30	19,23	0	0	30	36,14
Sổ quỹ khen thưởng	47	30,13	0	0	47	56,63
Sổ doanh thu hoạt động tín dụng nội bộ	30	19,23	0	0	30	36,14
Sổ doanh thu hoạt động SXKD	106	67,95	23	31,5	83	100,0
Sổ chi phí hoạt động tín dụng nội bộ	30	19,23	0	0	30	36,14
Sổ chi phí SXKD	15	9,62	0	0	15	18,10
Sổ chi tiết						
Sổ chi tiết vốn bằng tiền	43	27,56	12	16,44	31	37,34
Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	31	19,87	0	0	31	37,34
Sổ chi tiết phải thu của hoạt động tín dụng nội bộ	30	19,23	0	0	30	36,14
Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán)	123	78,85	40	54,79	83	100,0
Sổ chi tiết vốn góp của thành viên	74	47,44	23	31,5	51	61,45

Các sổ kế toán chủ yếu sử dụng tại hai nhóm HTX gồm sổ vốn bằng tiền, sổ quỹ phát triển sản xuất, sổ doanh thu hoạt động SXKD, sổ chi tiết thanh toán với người mua (người

bán), sổ chi tiết vốn góp của thành viên, sổ chi tiết vốn bằng tiền...

Nhóm HTX khác sử dụng thêm một số sổ kế toán do đặc thù hoạt động kinh doanh như sổ

kho, sổ quỹ khen thưởng, sổ doanh thu và chi phí hoạt động tín dụng nội bộ, sổ chi tiết phải thu hoạt động tín dụng nội bộ...

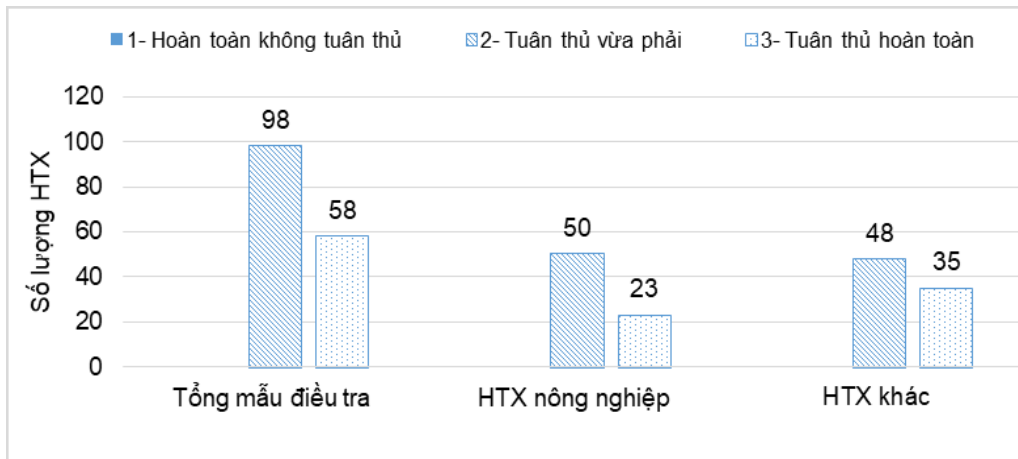
Bên cạnh đó, một số sổ kế toán chưa được các HTX mở và ghi chép như sổ dự phòng tổn thất tài sản, sổ phải trả người lao động, sổ nhật ký bán hàng (mua hàng)... Nguyên nhân do HTX chưa hiểu cách vận dụng sổ, hoặc có ít nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan...

Kết quả đánh giá mức độ tuân thủ chế độ kế toán trong quá trình vận dụng sổ kế toán tại HTX cho thấy: Nhóm HTX khác có mức độ tuân thủ về vận dụng sổ kế toán (ghi đầy đủ các yếu tố trên sổ kế toán, sửa sổ theo quy định khi phát sinh sai sót, cuối kỳ thực hiện khoá sổ, đối chiếu kiểm tra...) cao hơn nhóm HTX NN. Loại sổ kế toán thường có sai sót trong quá trình vận dụng

gồm sổ chi phí, sổ doanh thu và sổ thanh toán với người mua. Việc ghi sổ chưa thực hiện thường xuyên, sửa chữa sai sót trên sổ kế toán không đúng theo quy định là sai sót thường gặp khi vận dụng sổ kế toán. Chính vì vậy các HTX nên tuân thủ quy định về thời gian ghi sổ, sửa chữa sổ theo Thông tư 133 hoặc Thông tư 24 để đảm bảo tính chính xác của thông tin kế toán.

3.6. Tổ chức lập báo cáo kế toán và cung cấp thông tin

Theo kết quả phỏng vấn, 100% các HTX lập đủ số lượng BCKT bắt buộc để nộp cho các cơ quan quản lý nhà nước. Tuy nhiên, chất lượng BCKT của HTX chưa đảm bảo tính chính xác, tính đầy đủ và kịp thời, đặc biệt là nội dung của thuyết minh BCTC.



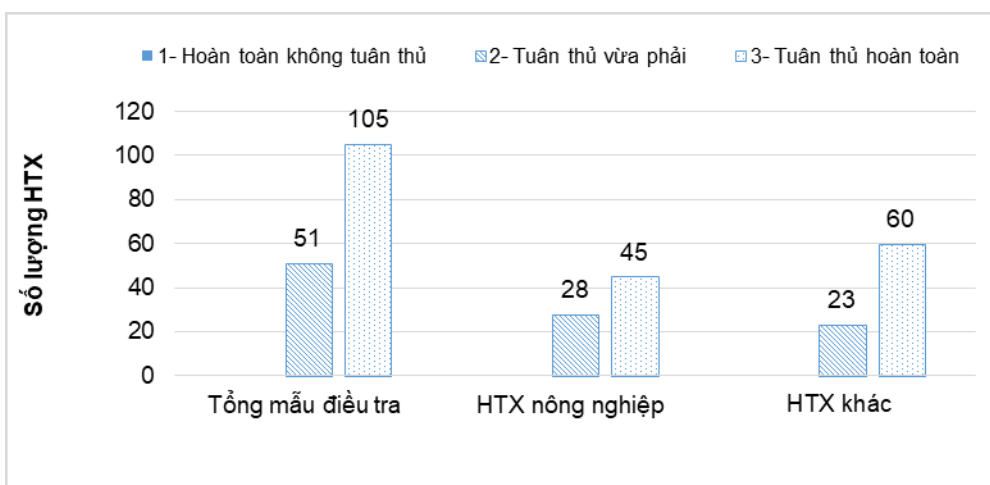
Hình 4. Mức độ tuân thủ chế độ kế toán về vận dụng sổ kế toán

Bảng 6. Tổ chức lập báo cáo tại các hợp tác xã (2020-2021)

Tên báo cáo	Tổng mẫu điều tra (n = 156)		Hợp tác xã nông nghiệp (n = 73)		Hợp tác xã khác (n = 83)	
	Hợp tác xã sử dụng	Tỷ lệ (%)	Hợp tác xã sử dụng	Tỷ lệ (%)	Hợp tác xã sử dụng	Tỷ lệ (%)
Loại báo cáo bắt buộc						
Báo cáo tình hình tài chính (THTC)	156	100,0	73	100,0	83	100,0
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (KQHĐKD)	156	100,0	73	100,0	83	100,0
Bản thuyết minh BCTC	156	100,0	73	100,0	83	100,0
Bảng cân đối tài khoản nộp cho cơ quan thuế	156	100,0	73	100,0	83	100,0
Loại báo cáo không bắt buộc						
Báo cáo tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu của HTX	74	47,44	23	31,5	51	61,45
Báo cáo thu, chi hoạt động tín dụng nội bộ	30	19,23	0	0	30	36,14
Báo cáo tổng hợp tình hình cho thành viên vay vốn	30	19,23	0	0	30	36,14

Bài viết đã tổng hợp một số điểm tồn tại trên BCKT của HTX gồm: (i) Giá trị vườn cây lâu năm chưa được trình bày trên Báo cáo THPT của một số HTX. Trong nông nghiệp, vườn cây lâu năm được đầu tư chủ yếu ở giai đoạn kiến thiết cơ bản ban đầu, sau đó 2-3 năm sẽ tạo ra sản phẩm và cho thu hoạch trong nhiều năm. Do vậy, vườn cây lâu năm đáp ứng đủ điều kiện là TSCĐ hữu hình của HTX. Việc không ghi nhận giá trị của vườn cây lâu năm trên Báo cáo THPT dẫn đến năng lực tài chính của HTX không được phản ánh đầy đủ; (ii) Báo cáo KQHĐKD chưa phản ánh đầy đủ doanh thu

nông sản, giá vốn nông sản của các HTX mà thành viên góp vốn bằng đất canh tác, vườn cây lâu năm... Ngược lại, những HTX được thành lập mang tính hình thức, các thành viên HTX tự sản xuất theo hộ gia đình thì việc ghi nhận doanh thu và giá vốn nông sản tương đối đầy đủ. Đồng thời, hầu hết các HTX đang sử dụng nhà riêng của giám đốc HTX cho hoạt động chung của HTX như họp, giao dịch mua bán, tuy nhiên các HTX chưa chi trả khoản tiền thuê văn phòng, tiền điện sử dụng hàng tháng cho giám đốc HTX và chưa ghi nhận vào chi phí quản lý kinh doanh trên Báo cáo KQHĐKD.



Hình 5. Mức độ tuân thủ chế độ kế toán về lập BCKT

Việc trình bày báo cáo THPT và Báo cáo KQHĐKD của HTX không đầy đủ sẽ ảnh hưởng đến thông tin kế toán (như giá trị tài sản, doanh thu, chi phí, lợi nhuận) cung cấp cho ban giám đốc HTX, ngân hàng thương mại... Điều này làm giảm khả năng tiếp cận tín dụng của HTX và phần nào ảnh hưởng đến tính chính xác trong quyết định kinh doanh của HTX. Mức độ tuân thủ chế độ kế toán về lập BCKT tại HTX được trình bày trong hình 5. Nhóm HTX khác có mức tuân thủ về BCTC (số lượng báo cáo, thời gian lập, nộp báo cáo, thông tin trên báo cáo) cao hơn nhóm HTX NN. Chính việc trình bày BCKT không tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán đã ảnh hưởng đến việc ra quyết định không chính xác của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc của 32,7% HTX như quyết định mua hàng kho cất trữ hoặc mở rộng quy mô kinh doanh chưa đúng thời điểm... đã gây ra thua lỗ.

3.7. Kiểm soát nội bộ về kế toán

Theo điều 39 của Luật kế toán số 88/2015/QH13, kiểm soát nội bộ là việc thiết lập và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ trong đơn vị kế toán phù hợp với quy định của pháp luật nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Đơn vị kế toán phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm: (i) Tài sản của đơn vị được an toàn, tránh sử dụng sai mục đích, không hiệu quả; (ii) Các nghiệp vụ được phê duyệt đúng thẩm quyền và được ghi chép đầy đủ làm cơ sở cho việc lập và trình bày BCTC trung thực, hợp lý.

Qua số liệu thu thập, các HTX đều có ban kiểm soát (BKS). Tuy nhiên, phần lớn các HTX chưa xem trọng vai trò của BKS và không nêu rõ trách nhiệm mà BKS phải gánh chịu nếu

chưa làm tròn nhiệm vụ. Cán bộ BKS chưa chủ động kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của HTX; nghiệp vụ chuyên môn kiểm soát còn hạn chế, đặc biệt trong kiểm tra về quản lý tài chính, kế toán. Thành viên BKS thường là người nhà, người thân của giám đốc hoặc kế toán nên tính độc lập của BKS bị hạn chế. Trình độ học vấn của cán bộ BKS còn thấp (cụ thể 6,4% tốt nghiệp tiểu học, 35,8% tốt nghiệp trung học cơ sở; 46,8% tốt nghiệp trung học phổ thông và 10,9% tốt nghiệp đại học) nên hiệu quả công việc kiểm soát chưa cao. Sai sót xảy ra trong quy trình kiểm soát về kế toán tại HTX gồm việc ghi sổ chưa kịp thời, mua sắm tài sản chưa được phê duyệt đúng thẩm quyền...

3.8. Một số ưu điểm và hạn chế của tổ chức kế toán tại HTX trong mẫu điều tra

Dựa trên kết quả điều tra, bài viết đã tổng kết điểm ưu điểm và hạn chế trong tổ chức kế toán của HTX tại bảng 8.

3.9. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán hợp tác xã

Để nâng cao tổ chức kế toán tại các HTX bài viết đưa ra một số đề xuất như sau:

Nâng cao năng lực và tạo nguồn nhân lực kế toán cho HTX. Tác động giữa kế toán cơ hữu và kết quả hoạt động của một đơn vị kinh tế (như doanh thu) là tác động hai chiều và có sự tương hỗ lẫn nhau. Theo kết quả điều tra, những HTX có kế toán cơ hữu với trình độ cao hơn sẽ có doanh thu lớn hơn. Đồng thời, chế độ lương thưởng, cơ quan làm việc gần nhà ở là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định

làm việc của kế toán viên tại HTX. Do vậy, HTX có thể hỗ trợ tài chính cho con em của thành viên HTX đi học hoặc cử tuyển đi đào tại các cơ sở đào tạo chính quy sau đó quay trở về cống hiến, làm việc cho HTX. Bên cạnh đó, nâng cao kết quả hoạt động SXKD, tạo điều kiện tăng thu nhập cho kế toán cũng là khía cạnh mà HTX cần cân nhắc.

Bổ sung mở một số sổ kế toán chi tiết và BCKT quản trị cung cấp thông tin phục vụ quản lý nội bộ của HTX. Hiện nay các HTX mới chỉ dừng lại ở việc lập BCKT nộp cho cơ quan quản lý và chưa sử dụng đầy đủ hệ thống sổ chi tiết. BCKT này thường được lập mang tính chất đối phó nên thông tin kế toán không đủ hữu ích để đưa ra các quyết định kinh doanh hợp lý. Vì vậy, sử dụng phù hợp sổ kế toán chi tiết và BCKT quản trị là điều rất cần thiết giúp nâng cao chất lượng thông tin kế toán của HTX.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện quy định kiểm tra, kiểm soát về kế toán trong HTX. Đồng thời, cần nâng cao năng lực quản lý tài chính, năng lực chuyên môn về kế toán của BKS thông qua các khóa tập huấn của phòng NN huyện và liên minh HTX và khả năng tự học hỏi trau dồi kiến thức.

Như vậy, so sánh với một số nghiên cứu khác có liên quan, bài viết đã đưa ra cách nhìn nhận sâu rộng hơn về tổ chức kế toán của HTX tại tỉnh Nghệ An với số lượng mẫu điều tra khá lớn (156 HTX); phân tích kỹ hơn về mức độ tuân thủ chế độ kế toán về vận dụng chứng từ kế toán, hệ thống TK kế toán, ghi sổ kế toán, lập BCKT và cung cấp thông tin kế toán theo hai nhóm HTX; đã chỉ ra những hạn chế trong tổ chức kế toán ở các HTX này.

Bảng 7. Nội dung kiểm soát kế toán tại các hợp tác xã (2020-2021)

Nội dung	Tổng mẫu điều tra (n = 156)		Hợp tác xã nông nghiệp (n = 73)		Hợp tác xã khác (n = 83)	
	Hợp tác xã sử dụng	Tỷ lệ (%)	Hợp tác xã sử dụng	Tỷ lệ (%)	Hợp tác xã sử dụng	Tỷ lệ (%)
Quy định về lập đối chiếu chứng từ	38	24,4	13	17,8	25	30,1
Quy định về quản lý vốn bằng tiền	96	61,5	43	58,9	53	63,9
Quy định về quản lý TSCĐ	26	16,67	10	13,7	16	19,27
Quy định về quản lý hàng tồn kho	41	26,3	0	0	41	49,4
Quy định về sự phối hợp và trách nhiệm của các bên liên quan (cơ chế, thủ tục kiểm soát)	68	43,6	35	47,9	43	51,8

Bảng 8. Ưu điểm và hạn chế trong tổ chức kế toán của các hợp tác xã (2020-2021)

Ưu điểm	Hạn chế
	Tổ chức bộ máy kế toán
Tổ chức bộ máy gọn Chi phí thuê kế toán ngoài khá tiết kiệm	Nhân viên kế toán chưa chủ động cập nhật các chế độ chính sách kế toán mới, phụ thuộc nhiều vào tập huấn. Trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán còn hạn chế. Tình trạng “bất kiêm nhiệm” xảy ra khá phổ biến. Kế toán viên chưa có khả năng phân tích tài chính, tư vấn cho giám đốc.
	Tổ chức thu thập thông tin qua chứng từ kế toán
Áp dụng chứng từ kế toán theo đúng mẫu hướng dẫn trong Thông tư 133 hoặc Thông tư 24. Chủ yếu sử dụng các chứng từ đơn giản nên khi lập ít xảy ra sai sót.	Thời điểm xử lý chứng từ thường bị dồn vào cuối tháng, quý, năm khi sử dụng dịch vụ kế toán. Thông tin thu thập qua chứng từ chưa đầy đủ. Chưa sử dụng chứng từ cho quản lý nội bộ HTX.
	Tổ chức hệ thống TK và ghi sổ kế toán
Vận dụng đúng hệ thống TK và sổ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 133 hoặc Thông tư 24.	Chủ yếu phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin kế toán tài chính, chưa quan tâm đến phục vụ cho quản lý nội bộ của HTX. Ghi nhận doanh thu và giá vốn chưa đầy đủ.
	Tổ chức lập báo cáo và cung cấp thông tin
Lập đủ số lượng báo cáo và đúng biểu mẫu theo quy định. Nộp báo cáo tương đối đúng hạn và đầy đủ tới các cơ quan quản lý nhà nước.	Chủ yếu lập báo cáo để nộp cho các cơ quan quản lý. Một số chỉ tiêu trên báo cáo chưa đầy đủ đặc biệt trên thuyết minh BCTC. Báo cáo phục vụ quản lý nội bộ HTX chưa đề cập.
	Kiểm soát nội bộ về kế toán
Một số HTX đã xây dựng được quy định về lập đối chiếu chứng từ, quy định về quản lý TSCĐ và hàng tồn kho, quy định về sự phối hợp và trách nhiệm của các bên liên quan.	Thế chế của BKS chưa đủ mạnh Thiếu nguồn nhân lực có trình độ

3.10. Kiến nghị

Đứng trước xu hướng hòa hợp với kế toán quốc tế và để nâng cao tổ chức kế toán tại các HTX bài viết đưa ra một số kiến nghị như sau: Đối với Bộ Tài chính cần *thúc đẩy vận dụng chuẩn mực BCTC quốc tế về giá trị hợp lý (IFRS 13) và chuẩn mực kế toán nông nghiệp (IAS 41) để ghi nhận tài sản trong nông nghiệp*: IAS 41 và IFRS 13 ra đời là bước tiến quan trọng, khẳng định ý nghĩa của giá trị hợp lý trong việc cải thiện chất lượng BCKT. Đứng trước quá trình hội nhập quốc tế về kinh tế và kế toán, đòi hỏi việc nghiên cứu và thúc đẩy sử dụng giá trị hợp lý trong hệ thống kế toán Việt Nam đối với lĩnh vực nông nghiệp là rất cần thiết. Đối với Sở NN&PTNT tỉnh Nghệ An, Phòng NN&PTNT huyện cần *tăng cường hướng dẫn, kiểm tra về công tác kế toán HTX*: Bên cạnh việc tổ chức các lớp tập huấn về kế toán HTX, các cơ quan quản lý cần tiếp tục áp

dụng quy định kiểm tra công tác kế toán thường xuyên của HTX để nâng cao chất lượng công tác kế toán HTX và chất lượng BCKT.

4. KẾT LUẬN

Từ kết quả phân tích thực trạng tổ chức kế toán tại 156 HTX của tỉnh Nghệ An cho thấy còn nhiều điểm hạn chế trong tổ chức kế toán của các HTX tại tỉnh Nghệ An. Cụ thể, số lượng kế toán cơ hữu của các HTX còn hạn chế (chỉ chiếm 24,4% các HTX điều tra), trình độ chuyên môn của kế toán viên còn thấp chủ yếu là cao đẳng và trung cấp, đặc biệt việc “vi phạm nguyên tắc bất kiêm nhiệm” xảy ra khá phổ biến tại các HTX. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ kế toán chưa tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức lập BCKT và cung cấp thông tin còn mang tính hình thức, chất lượng thông tin kế toán cung cấp chưa đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp

thời gây ảnh hưởng đến việc ra quyết định của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc (32,7% HTX). Phần lớn BKS của HTX chưa xây dựng được đầy đủ quy trình quản lý tài chính, kiểm tra kế toán. Do vậy, để phát triển công tác kế toán của HTX trong thời gian tới, cần ưu tiên thực hiện đồng bộ các giải pháp sau: (i) Nâng cao năng lực và tạo nguồn nhân lực kế toán cho HTX; (ii) Bổ sung mở một số sổ kế toán chi tiết và BCKT quản trị phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin phục vụ quản lý nội bộ của HTX và (iii) Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện quy định kiểm tra, kiểm soát về kế toán trong HTX. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cần thúc đẩy vận dụng IFRS 13 và IAS 41 để ghi nhận tài sản trong nông nghiệp và Sở NN&PTNT tỉnh Nghệ An, Phòng NN&PTNT huyện cần tăng cường hướng dẫn, kiểm tra về công tác kế toán của HTX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Tài chính (2016). Thông tư số 133/2016/TT-BTC: Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Bộ Tài chính (2017). Thông tư số 24/2017/TT-BTC: Hướng dẫn chế độ kế toán HTX, liên hiệp HTX.
- Lê Thị Minh Châu (2020). Phân tích một số chỉ tiêu trình bày trong báo cáo kế toán của HTX nông nghiệp thuộc lĩnh vực trồng trọt. Tạp chí Kế toán và Kiểm toán. 3: 24-26.
- Lưu Đức Tuyên & Ngô Thị Thu Hồng (2014). Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp. Nhà xuất bản Tài chính.
- Nguyễn Thị Thanh Loan (2016). Giáo trình Tổ chức công tác kế toán. Đại học Công nghiệp Hà Nội.
- Quốc hội (2013). Luật HTX số 23/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012.
- Xuân Hoàng (2021). Nghệ An có 419 hợp tác xã hoạt động hiệu quả. Truy cập từ <https://baonghean.vn/nghe-an-co-419-hop-tac-xa-hoat-dong-hieu-qua-280654.html> ngày 20/5/2021.